TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 12/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dinh và bà Vũ Thị Thuý.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 191/2023/TLST-HS ngày 08/12/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2023/QĐXXST-HS ngày 29/12/2023 đối với bị cáo:

Phạm Đình M, sinh ngày 02/01/1952 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Đình K (đã chết) và bà Nguyễn Thị A (đã chết); Có vợ là Lưu Thị T (sinh năm 1952), bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 1980 và con nhỏ sinh năm 1981 – đã chết); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 1973 tham gia quân đội, đóng quân tại Trung đoàn E (tỉnh Thái Bình); năm 1974 chuyển đến Sư đoàn C1 (tỉnh Bình Định); đến năm 1988 xuất ngũ về địa phương, hưởng chế độ bệnh binh. Từ năm 2014 đến năm 2017: Phó Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam xã H; năm 2018: Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam H; năm 2020: Phó Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam xã H; Là thương binh (thương tật hạng 52%), Đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ thôn N, xã H (Đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo quyết định số 104-QĐ/UBKTHU ngày 13/12/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy T1). Về thành tích: năm 1975 được Hội đồng cố vấn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa M1 tặng Huân chương Chiến công giải phóng Hạng Nhì; Năm 1983 được Hội đồng Nhà nước thưởng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang Hạng Ba; Năm 1997 được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất; Năm 2001 được Chủ tịch nước thưởng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang Hạng Nhất; Năm 2018 được Hội Nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN Việt Nam tặng Kỷ niệm chương "Vì nạn nhân chất độc da cam"; Năm 2018 được Hội Nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN Việt Nam tặng Kỷ niệm chương "Vì nạn nhân chất độc da cam"; Năm 2018 được Hội Nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN Việt Nam tặng Giấy khen; Năm 2020 được Hội chất độc da

cam/dioxin tỉnh Thái Bình tặng giấy khen; Năm 2016 được Hội cựu chiến binh Việt Nam tặng giấy khen; Năm 2013 được Uỷ ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng Giấy khen và nhiều giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thái Tân, Hội Nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN tỉnh Thái Bình, Hội Nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN huyện Thái Thụy, Hội Cựu Chiến binh huyện Thái Thụy. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

* Người bào chữa cho bị cáo Phạm Đình M: Ông Đào Quang N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình. *(Có mặt)*

* *Bị hại*:

- Ông Lê Thái C, sinh năm 1953. Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. *(Có mặt)*

- Ông Nguyễn Thành N1, sinh năm 1949. Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. *(Có mặt)*

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C và ông N1: Bà Phan Thị Minh H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình. *(Có mặt)*

* *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1948. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Lê Thái C, ông Nguyễn Thành N1 và ông Nguyễn Văn P đều tham gia kháng chiến, được hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam từ những năm 2009, 2010 (hồ sơ thể hiện do bị nhiễm chất độc hóa học, có con đẻ bị dị dạng dị tật). Thực hiện Kết luận số 44/KL-TTr ngày 02/4/2015 và Kết luận số 482/KL-TTr ngày 29/11/2017 của Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách ưu đãi Người có công với cách mạng tại tỉnh Thái Bình, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình ban hành Công văn số 722/SLĐTBXH-NCC ngày 14/5/2018, hướng dẫn giải quyết đối tượng hưởng chính sách người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học lập hồ sơ sinh con dị dạng, dị tật phải đình chỉ trợ cấp nếu qua rà soát xác định con không mắc dị dạng, dị tật. Theo danh sách của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T thì ông C, ông N1 và ông P phải bổ sung hồ sơ hưởng trợ cấp chế độ đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học sinh con dị dạng, dị tật (đưa con đẻ đi giám định y khoa lại). Thời điểm đó Phạm Đình M đang là Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN xã T, M biết rõ việc bổ sung hồ sơ chất độc da cam theo quy định của Nhà nước không phải mất chi phí và M cũng không có chức năng nhiệm vụ gì trong việc bổ sung hồ sơ hưởng trợ cấp chế độ đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học sinh con dị dạng, dị tật. Do cần tiền tiêu sài cá nhân, lợi dụng tâm lý của ông C, ông N1 và ông P lo lắng về việc có thể bị cắt chế độ trợ cấp chất độc da cam nếu không bổ sung hồ sơ đúng quy định, M đã nói với những người này về việc có quen biết người có khả năng giúp bổ sung hồ sơ chất độc da cam. Để tạo lòng tin, sáng

ngày 26/3/2019, M hẹn ông C, ông N1 và ông P đến nhà mình, tại đây M đã giới thiệu một người đàn ông tên Ý ở xã T, huyện T có khả năng giúp bổ sung hồ sơ chất độc da cam và nói mỗi người phải đưa cho người đàn ông tên Y số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 28/3/2019 vì ngày 29/3/2019 là hết hạn. Tin là thật, chiều ngày 28/3/2019, ông C đã đến nhà đưa cho M số tiền 30.000.000 đồng, có sự chứng kiến của ông P và ông N1.

Sáng ngày 10/6/2019, M gặp ông N1 và yêu cầu đưa số tiền 20.000.000 đồng để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện nốt hồ sơ chất độc da cam và nói nếu không đưa tiền sẽ bị cắt chế độ chất độc da cam đang được hưởng. Cùng ngày, ông N1 đã đưa cho bị cáo số tiền 20.000.000 đồng tại nhà ở của ông N1.

Khoảng đầu tháng 11/2020, bị cáo gặp ông C và yêu cầu đưa thêm số tiền 20.000.000 đồng để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện nốt hồ sơ chất độc da cam và nói nếu không đưa tiền sẽ bị cắt chế độ chất độc da cam đang được hưởng vì việc bổ sung thủ tục hồ sơ khó khăn hơn dự kiến, hai bên thoả thuận số tiền các số tiền phát sinh đều nằm trong việc bổ sung, hoàn thiện nốt hồ sơ chất độc da cam cho đến khi có kết quả. Ông C nói: "không có tiền" thì bị cáo nói "thôi đưa 10.000.000 đồng, tớ viết giấy cho". Ngày 26/11/2020, tại nhà bị cáo, ông C đưa thêm cho bị cáo 10.000.000 đồng, có viết giấy giao nhận tiền với nội dung: "Hôm nay ngày 26/11/2020, tôi Phạm Đình M có nhận của anh Lê Thái C số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng chẵn) để hoàn thiện hồ sơ da cam để đảm bảo thời gian tính hết tháng 12/2021. Không có vấn đề gì xảy ra thì giấy này không có giá trị".

Sau khi nhận của ông C 40.000.000 đồng và của ông N1 20.000.000 đồng, bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết; không nhờ ai bổ sung hồ sơ chất độc da cam của ông C và ông N1. Ngày 02/7/2021, ông C và ông N1 nhận được Quyết định của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T về việc ngừng thực hiện chế độ đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học sinh con dị dạng, dị tật (do kết quả thực chứng, rà soát con đẻ của ông C và ông N1 không mắc dị dạng, dị tật bẩm sinh) nên đã đến tìm bị cáo, yêu cầu trả lại tiền. Ngày 18/7/2021, bị cáo đã trả lại cho ông C số tiền 10.000.000 đồng; ngày 15/9/2021, trả lại cho ông N1 số tiền 7.000.000 đồng.

Trong quá trình truy tố và tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản kết luận giám định số 134/KL-KTHS ngày 23/8/2022 của phòng K1 Công an tỉnh Thái Bình kết luận: "Các mảnh giấy được ghép khớp với nhau trên 02 phần của tờ giấy trắng, dòng kẻ ngang của mẫu giám định ký hiệu A bị xé (cắt) ra từ cùng một tài liệu. Chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Phạm Đình M trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M7 do cùng một người ký, viết ra".

Bản kết luận giám định số 441/KL-KTHS ngày 11/5/2023 và Bản kết luận giám định số 4119/KL-KTHS ngày 30/6/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: "Tiếng nói của người đàn ông xưng "em" trong mẫu cần giám định và tiếng nói của ông Lê Thái C trong mẫu so sánh là cùng một người. Tiếng nói của người đàn ông xưng "tớ" trong mẫu cần giám định và tiếng nói của ông Phạm Đình

M trong mẫu so sánh là cùng một người".

Bản cáo trạng số 190/CT-VKSTT ngày 08/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Phạm Đình M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Đình M đã thành khẩn khai báo và thừa nhận: Mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ trong việc hoàn thiện hồ sơ để được hưởng trợ cấp chế độ cho đối tượng được hưởng chính sách người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học và cần tiền để tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã nói dối mình có thể hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ để được hưởng trợ cấp chế độ cho đối tượng được hưởng chính sách người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học để chiếm đoạt của ông C và ông N1 tổng số tiền 60.000.000 đồng như nêu trên và đã dùng số tiền này để chi tiêu cá nhân; bị cáo chờ đến khi có quyết định của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình, nếu ông C và ông N1 vẫn tiếp tục được hưởng trợ cấp chế độ chất độc da cam thì gian dối, coi như đã giúp ông C và ông N1 bổ sung hồ sơ chất độc da cam.

Người bị hại ông Lê Thái C và ông Nguyễn Thành N1 trình bày: Nội dung bản cáo trạng đã phản ánh đúng sự việc xảy ra, tại phiên toà các ông đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo do bị cáo đã biết được lỗi lầm của mình và đã khắc phục được toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây nên, các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất kỳ một khoản chi phí nào khác. Riêng ông Lê Thái C đề nghị Hội đồng xét xử cho ông xin lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S mà ông đã nộp tại Cơ quan cảnh sát điều tra để sao trích các đoạn ghi âm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Đình M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, o, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm, giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại ông Lê Thái C 01 điện thoại Iphone 6s.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Phạm Đình M trả lại cho ông Lê Thái C số tiền 30.000.000 đồng; ông N1 số tiền 13.000.000 đồng (toàn bộ số tiền này đã được bị cáo M nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy). Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điểm b, o, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 50, 54, 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chữa bệnh, đồng thời sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho gia đình

và xã hội. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung và đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là ông C và ông N1 có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật xử phạt bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát, đồng thời xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đề nghị trả lại cho ông C chiếc điện thoại Iphone 6S, buộc bị cáo phải trả cho ông C 30 triệu đồng và trả cho ông N1 13 triệu đồng.

Bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái và rất ân hận, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện ở nhà đi chữa bệnh và sửa chữa sai lầm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn truy tố và phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ như: Bản kết luận giám định số 134/KL-KTHS ngày 23/8/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, Bản kết luận giám định số 441/KL-KTHS ngày 11/5/2023 và Bản kết luận giám định số 4119/KL-KTHS ngày 30/6/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; Biên bản làm việc, xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Thái Bình; Công văn số 4198/SLĐTBXH-NCC ngày 23/9/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ trong việc bổ sung hồ sơ hưởng trợ cấp chế độ đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do sinh con dị dạng, dị tật và cần tiền tiêu sài các nhân, Phạm Đình M đã lợi dụng trong danh sách của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình yêu cầu ông Lê Thái C, ông Nguyễn Thành N1 đang được hưởng trợ cấp chất độc da cam phải bổ sung hồ sơ hưởng trợ cấp chế độ đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do sinh con dị dạng, dị tật và tâm lý của ông C, ông N1 lo lắng về việc có thể bị cắt chế độ trợ cấp chất độc da cam nếu không bổ sung hồ sơ đúng quy định, Phạm Đình M đã gian dối, hứa nhờ người khác có khả năng giúp bổ sung hồ sơ theo quy định để tiếp tục được

hưởng trợ cấp, trong tháng 3/2019, tháng 6/2019 và tháng 11/2020 đã nhận và chiếm đoạt của ông C và ông N1 tổng số 60.000.000 đồng (ông C 40.000.000 đồng, ông N1 20.000.000 đồng) để chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

"Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1.Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

…….

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng…

……

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, xâm phạm đến quyền sử hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người dân lương thiện. Bị cáo là người trưởng thành, lại là Đảng viên và có đầy đủ nhận thức để biết rằng xâm phạm đến tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ trong việc hoàn thiện hồ sơ để được hưởng trợ cấp chế độ cho đối tượng được hưởng chính sách người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học nhưng bị cáo đã lợi dụng danh sách của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình yêu cầu ông Lê Thái C, ông Nguyễn Thành N1 đang được hưởng trợ cấp chất độc da cam phải bổ sung hồ sơ hưởng trợ cấp chế độ đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học nên sinh con dị dạng, dị tật và tâm lý của ông C, ông N1 lo lắng về việc có thể bị cắt chế độ trợ cấp chất độc da cam nếu không bổ sung hồ sơ đúng quy định, bị cáo đã gian dối, hứa nhờ người khác có khả năng giúp bổ sung hồ sơ theo quy định để tiếp tục được hưởng trợ cấp, trong tháng 3/2019, tháng 6/2019 và tháng 11/2020 đã nhận và chiếm đoạt của ông C và ông N1 tổng số 60.000.000 đồng (ông C 40.000.000 đồng, ông N1 20.000.000 đồng) để chi tiêu cá nhân. Lỗi của bị cáo thực hiện là lỗi cố ý trực tiếp; mục đích mong muốn chiếm đoạt được tài sản của người khác để lấy tiền tiêu dùng cá nhân thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, việc đưa ra xét xử bị cáo là đúng quy định của pháp luật hình sự và cần phải áp dụng một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo, giúp bị cáo có điều kiện sớm trở lại thành công dân có ích cho gia đình, cho xã hội, đồng thời góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Trong quá trình truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Đình M đã trên 70 tuổi, có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, là người có công với cách mạng, đã bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, o, v, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chịu 01 tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những phân tích, nhận định về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này ra chưa có lần phạm tội nào khác, bản thân bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt các quy định do địa phương đề ra chưa có vi phạm gì. Mặc dù bị cáo có tình 01 tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (phạm tội nhiều lần nhưng những lần phạm tội đều dưới 50.000.000 thuộc trường hợp ít nghiêm trọng) và có 05 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1, có một tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo đã hơn 70 tuổi, hiện nay đang mang bệnh tiểu đường hàng tháng phải đi chữa trị. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy không nhất thiết phải cách ly bị cáo M ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, cải tạo giáo dục cũng đủ để bị cáo nhận ra lỗi lầm đã phạm phải mà phấn đấu trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo nói riêng cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người cao tuổi, hiện đang mang bệnh tiểu đường nặng, hàng tháng phải đi điều trị, thu nhập hàng tháng chỉ có trợ cấp thương bệnh binh nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, ông C yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 30.000.000 đồng; ông N1 yêu cầu bị cáo M trả lại số tiền 13.000.000 đồng. Trước khi bị khởi tố điều tra về tội ”Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thì bị cáo M đã trả cho ông C số tiền 10.000.000 đồng; ông N1 7.000.000 đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo M đã nộp tiền khắc phục toàn bộ thiệt hại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thuỵ tổng số tiền 43.000.000 đồng. Tại phiên toà bị cáo đề nghị chuyển toàn bộ số tiền bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thuỵ sang bồi thường cho hai bị hại. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất kì một khoản chi phí nào khác. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không trái đạo đức và quy định của pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận, áp dụng điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận nói trên.

[8] Về xử lý vật chứng: Ngày 13/01/2023, ông Lê Thái C giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Bình 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S. Tại ứng dụng "Ghi âm" có chứa 03 bản ghi âm (bản ghi ngày 02/7/2021, thời lượng 23 phút 39 giây; bản ghi ngày 18/7/2021, thời lượng 27 phút 05 giây; bản ghi ngày 27/7/2021, thời lượng 08 phút 43 giây. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định trưng cầu giám định giọng nói trong 03 bản ghi âm trên, đồng thời đã sao 03 bản ghi âm ra đĩa DVD. Chiếc điện thoại Iphone 6S là tài sản của ông C nên cần trả lại theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo là thương binh, người già và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Về các vấn đề khác trong vụ án:

[11.1] Ông Nguyễn Thành N1 khai ngày 28/3/2019 còn đưa thêm cho Phạm Đình M 30.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn P khai 02 lần đưa cho M tổng số là 55.000.000 đồng để nhờ bổ sung hồ sơ chất độc da cam. Khi đưa tiền không có người chứng kiến, không viết giấy giao nhận, bị cáo M khai không nhận những khoản tiền này của ông N1 và ông P; ngoài lời khai của ông N1 và ông P, không có tài liệu nào chứng minh nên chưa đủ căn cứ kết luận. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy tiếp tục xác minh, đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[11.2] Đối với ông Đỗ Đức Y, sinh năm 1972, trú tại thôn L, xã H, huyện T: Tại biên bản làm việc và biên bản nhận dạng ngày 06/5/2023, ông C, ông N1 và ông P nhận dạng ông Ý là người có mặt ở nhà Phạm Đình M vào ngày 26/3/2019. Ông Y trình bày ông là người buôn bán thức ăn chăn nuôi, không có chức năng nhiệm vụ gì liên quan đến việc hoàn thiện hồ sơ da cam; không có quan hệ gì với bị cáo M. Có thể khi đi bán thức ăn chăn nuôi có đến nhà bị cáo M và tình cờ gặp ông C, ông N1, ông P tại đấy nhưng ông Y không nói chuyện ông C, ông N1 và ông P. Bị cáo M khai không đưa tiền cho ông Đỗ Đức Y và ông Đỗ Đức Y không phải là người đàn ông tên Ý đến nhà bị caó M ngày 26/3/2019. Tài liệu điều tra không có căn cứ kết luận ông Đỗ Đức Y đồng phạm với bị cáo M, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiếp tục xác minh, có căn cứ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đình M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, o, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; 38, 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Đình M 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 12/01/2024.

Giao bị cáo Phạm Đình M cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02

lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự chấp nhận sự thỏa thuận của bị cáo Phạm Đình M đã tự nguyện bồi thường cho bị hại ông Lê Thái C, sinh năm 1953; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình số tiền 30.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Thành N1, sinh năm 1949; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình số tiền 13.000.000 đồng. Chuyển số tiền bị cáo Phạm Đình M đã nộp tại các biên lai số 0002541 ngày 05/12/2023 và biên lai số 0002544 ngày 12/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thuỵ sang thi hành trách nhiệm dân sự đối với ông Lê Thái C và ông Nguyễn Thành N1.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự trả lại ông Lê Thái C, sinh năm 1953; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình 01 điện thoại Iphone 6s có số Imel 356138096449846.

(Các tài sản đồ vật trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 11/12/2023).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Đình M được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Trả lại cho bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm bị cáo đã nộp tạm ứng tại biên lai số 0002541 ngày 05/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thuỵ

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Bị cáo Phạm Đình M và các bị hại ông Lê Thái C và ông Nguyễn Thành N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 12/01/2024.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Tòa án tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình (PC10);
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- UBND xã H;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh